

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 626/QĐ-ĐHNLBG-HĐT ngày 12/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

NGÀY THI: 04/10/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Chu Thị Lan Anh	10/06/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	5,0	DBG004052	CNTT/20/4082	Đạt	
2	CNTT02	Tô Thị Bậm	18/01/1981	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	5,5	DBG004053	CNTT/20/4083	Đạt	
3	CNTT03	Nông Thanh Chuẩn	26/11/1993	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	5,0	DBG004054	CNTT/20/4084	Đạt	
4	CNTT04	Nông Văn Dư	20/04/1976	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,0	DBG004055	CNTT/20/4085	Đạt	
5	CNTT05	Triệu Thị Ghեն	03/03/1989	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,7	6,0	DBG004056	CNTT/20/4086	Đạt	
6	CNTT06	Triệu Thị Hiền	19/08/1991	Bắc Kạn	Nữ	Dao	7,2	5,5	DBG004057	CNTT/20/4087	Đạt	
7	CNTT07	Nông Thu Hoài	28/07/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	5,0	DBG004058	CNTT/20/4088	Đạt	
8	CNTT08	Hồ Văn Hoàn	03/09/1967	Lạng Sơn	Nam	Mông	6,5	6,0	DBG004059	CNTT/20/4089	Đạt	
9	CNTT09	Thạch Thu Hồng	25/09/1984	Lạng Sơn	Nữ	Mông	7,0	6,0	DBG004060	CNTT/20/4090	Đạt	
10	CNTT10	Trần Quang Huy	17/10/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,0	DBG004061	CNTT/20/4091	Đạt	
11	CNTT11	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	13/05/1985	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	5,5	DBG004062	CNTT/20/4092	Đạt	
12	CNTT12	Phạm Tuấn Linh	25/12/1990	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG004063	CNTT/20/4093	Đạt	
13	CNTT13	Nguyễn Thị Mơ	13/11/1981	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	6,5	DBG004064	CNTT/20/4094	Đạt	
14	CNTT15	Lương Dương Nguyễn	07/05/1994	Lạng Sơn	Nam	Mông	7,2	7,0	DBG004065	CNTT/20/4095	Đạt	
15	CNTT16	Ma Thị Nguyệt	19/11/1996	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	DBG004066	CNTT/20/4096	Đạt	
16	CNTT17	Hứa Thị Nhung	20/10/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	DBG004067	CNTT/20/4097	Đạt	
17	CNTT18	Lương Thị Phượng	17/02/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	DBG004068	CNTT/20/4098	Đạt	
18	CNTT19	Triệu Thị Sỹ	15/02/1981	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,5	7,0	DBG004069	CNTT/20/4099	Đạt	
19	CNTT20	Nông Ngọc Tâm	23/01/1972	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,5	DBG004070	CNTT/20/4100	Đạt	
20	CNTT21	Nông Thị Tầm	13/02/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	DBG004071	CNTT/20/4101	Đạt	
21	CNTT22	Bế Thị Thanh	05/05/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	DBG004072	CNTT/20/4102	Đạt	
22	CNTT23	Nông Thị Thảo	19/10/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	DBG004073	CNTT/20/4103	Đạt	
23	CNTT24	Nông Thị Thời	15/06/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,0	DBG004074	CNTT/20/4104	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
24	CNTT25	Lương Thành	Thực	13/09/1975	Lạng Sơn	Nam	Mông	6,5	7,0	DBG004075	CNTT/20/4105	Đạt	
25	CNTT26	Nông Thị	Thương	07/06/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	DBG004076	CNTT/20/4106	Đạt	
26	CNTT27	Nguyễn Ngọc	Trúc	07/04/1994	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	7,0	DBG004077	CNTT/20/4107	Đạt	
27	CNTT29	Lăng Ngọc	Tú	19/05/1990	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	DBG004078	CNTT/20/4108	Đạt	
28	CNTT30	Hoàng Văn	Tùng	10/07/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,5	DBG004079	CNTT/20/4109	Đạt	
29	CNTT31	Vi Ái	Vân	14/10/1993	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	DBG004080	CNTT/20/4110	Đạt	
30	CNTT32	Lương Thị	Yên	04/05/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	DBG004081	CNTT/20/4111	Đạt	
31	CNTT33	Nguyễn Phương	Anh	14/03/2005	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,5	DBG004082	CNTT/20/4112	Đạt	
32	CNTT34	Chu Thị Ngọc	Ánh	08/03/2005	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,5	DBG004083	CNTT/20/4113	Đạt	
33	CNTT35	Hoàng Minh	Chiến	25/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	DBG004084	CNTT/20/4114	Đạt	
34	CNTT36	Nguyễn Văn	Chiều	24/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	DBG004085	CNTT/20/4115	Đạt	
35	CNTT37	La Văn	Công	16/03/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	DBG004086	CNTT/20/4116	Đạt	
36	CNTT38	Lý Thị Bích	Diệp	06/07/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,0	DBG004087	CNTT/20/4117	Đạt	
37	CNTT39	Âu Đức	Duy	09/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG004088	CNTT/20/4118	Đạt	
38	CNTT40	Nông Quốc	Duy	01/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG004089	CNTT/20/4119	Đạt	
39	CNTT41	Liễu Ngụy	Đào	05/06/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	DBG004090	CNTT/20/4120	Đạt	
40	CNTT42	Nông Thị	Đào	05/09/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	6,0	DBG004091	CNTT/20/4121	Đạt	
41	CNTT43	Bế Viết	Đình	10/01/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	DBG004092	CNTT/20/4122	Đạt	
42	CNTT44	Triệu Văn	Đức	06/04/1981	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,0	DBG004093	CNTT/20/4123	Đạt	
43	CNTT45	Nông Văn	Gia	26/12/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	DBG004094	CNTT/20/4124	Đạt	
44	CNTT46	Nguyễn Thị	Hà	15/06/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,5	DBG004095	CNTT/20/4125	Đạt	
45	CNTT47	Hoàng Văn	Hào	26/08/1990	Thái Nguyên	Nam	Kinh	7,0	5,5	DBG004096	CNTT/20/4126	Đạt	
46	CNTT48	Bế Thị	Hảo	19/06/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,0	DBG004097	CNTT/20/4127	Đạt	
47	CNTT49	Lương Thị	Hằng	05/12/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,0	DBG004098	CNTT/20/4128	Đạt	
48	CNTT50	Bế Đức	Hậu	18/03/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	DBG004099	CNTT/20/4129	Đạt	
49	CNTT51	Trần Thành	Hiệp	14/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG004100	CNTT/20/4130	Đạt	
50	CNTT52	Hà Minh	Hiếu	05/01/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	DBG004101	CNTT/20/4131	Đạt	
51	CNTT53	Nông Văn	Hiếu	09/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	DBG004102	CNTT/20/4132	Đạt	
52	CNTT54	Trầm Hà	Hiếu	01/04/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	DBG004103	CNTT/20/4133	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
53	CNTT55	Mã Văn	Hiếu	15/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG004104	CNTT/20/4134	Đạt	
54	CNTT56	Nguy Văn	Hoàng	22/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	DBG004105	CNTT/20/4135	Đạt	
55	CNTT57	Hứa Ngọc	Huân	06/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	DBG004106	CNTT/20/4136	Đạt	
56	CNTT58	Lương Tuấn	Hùng	21/10/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,5	DBG004107	CNTT/20/4137	Đạt	
57	CNTT59	Trần Quang	Huy	30/06/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004108	CNTT/20/4138	Đạt	
58	CNTT60	Nguyễn Đình	Huyền	13/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	DBG004109	CNTT/20/4139	Đạt	
59	CNTT61	Mạc Xuân	Huỳnh	23/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG004110	CNTT/20/4140	Đạt	
60	CNTT62	Lăng Viết	Huỳnh	15/06/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	DBG004111	CNTT/20/4141	Đạt	
61	CNTT63	Đàm Quang	Hung	20/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG004112	CNTT/20/4142	Đạt	
62	CNTT64	Hà Văn	Hung	08/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG004113	CNTT/20/4143	Đạt	
63	CNTT65	Nguyễn Thành	Hung	29/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	6,0	DBG004114	CNTT/20/4144	Đạt	
64	CNTT66	Bế Chí	Hướng	21/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	DBG004115	CNTT/20/4145	Đạt	
65	CNTT67	Nông Tuấn	Khanh	26/12/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	DBG004116	CNTT/20/4146	Đạt	
66	CNTT68	Vy Văn	Khánh	26/03/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	DBG004117	CNTT/20/4147	Đạt	
67	CNTT69	Hứa Văn	Khiêm	06/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG004118	CNTT/20/4148	Đạt	
68	CNTT70	Đặng Hồng	Linh	10/11/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	6,5	DBG004119	CNTT/20/4149	Đạt	
69	CNTT71	Triệu Văn	Lượng	04/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004120	CNTT/20/4150	Đạt	
70	CNTT72	Đặng Văn	Nam	05/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	DBG004121	CNTT/20/4151	Đạt	
71	CNTT73	Bế Yên	Nhi	20/01/2005	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	6,0	DBG004122	CNTT/20/4152	Đạt	
72	CNTT74	Lý Thị Yên	Nhi	30/05/2005	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	DBG004123	CNTT/20/4153	Đạt	
73	CNTT75	Lăng Thị Hồng	Oanh	05/12/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	DBG004124	CNTT/20/4154	Đạt	
74	CNTT76	Vy Văn	Phong	27/04/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	DBG004125	CNTT/20/4155	Đạt	
75	CNTT77	Ma Văn	Phước	11/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	DBG004126	CNTT/20/4156	Đạt	
76	CNTT78	Hoàng Thu	Phượng	24/06/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,0	DBG004127	CNTT/20/4157	Đạt	
77	CNTT79	Bế Viết	Quán	12/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	DBG004128	CNTT/20/4158	Đạt	
78	CNTT80	Hoàng Minh	Quân	23/03/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	DBG004129	CNTT/20/4159	Đạt	
79	CNTT81	Mã Thanh	Quỳnh	01/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	DBG004130	CNTT/20/4160	Đạt	
80	CNTT82	Dương Ký	Slin	20/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	DBG004131	CNTT/20/4161	Đạt	
81	CNTT83	Hoàng Minh	Son	21/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	DBG004132	CNTT/20/4162	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
82	CNTT84	Đàm Văn Sỹ	16/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	DBG004133	CNTT/20/4163	Đạt	
83	CNTT85	Hoàng Duy Thái	09/07/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG004134	CNTT/20/4164	Đạt	
84	CNTT86	Chu Văn Thanh	26/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004135	CNTT/20/4165	Đạt	
85	CNTT87	Hứa Thị Mỹ Thanh	29/10/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	6,0	DBG004136	CNTT/20/4166	Đạt	
86	CNTT88	Bế Thị Phương Thảo	01/02/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	6,0	DBG004137	CNTT/20/4167	Đạt	
87	CNTT89	Hoàng Bích Thảo	14/01/2005	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	6,0	DBG004138	CNTT/20/4168	Đạt	
88	CNTT90	Trần Hương Thảo	18/10/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	DBG004139	CNTT/20/4169	Đạt	
89	CNTT91	Nông Vinh Thông	12/08/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	DBG004140	CNTT/20/4170	Đạt	
90	CNTT92	Hoàng Minh Thương	28/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG004141	CNTT/20/4171	Đạt	
91	CNTT93	Lăng Thị Diên	30/05/1981	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	7,5	DBG004142	CNTT/20/4172	Đạt	
92	CNTT94	Tô Văn Tiệp	02/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	DBG004143	CNTT/20/4173	Đạt	
93	CNTT95	Chu Văn Toán	04/02/1994	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,5	DBG004144	CNTT/20/4174	Đạt	
94	CNTT96	Hoàng Văn Toán	25/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	DBG004145	CNTT/20/4175	Đạt	
95	CNTT97	Hứa Văn Toàn	11/03/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	DBG004146	CNTT/20/4176	Đạt	
96	CNTT98	Đinh Văn Trung	12/06/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	DBG004147	CNTT/20/4177	Đạt	
97	CNTT99	Nguyễn Việt Trung	19/05/1992	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	7,0	DBG004148	CNTT/20/4178	Đạt	
98	CNTT100	Ngô Xuân Trường	20/08/1992	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,5	7,0	DBG004149	CNTT/20/4179	Đạt	
99	CNTT101	Chu Văn Tú	02/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	DBG004150	CNTT/20/4180	Đạt	
100	CNTT102	Nông Minh Anh Tuấn	20/10/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	DBG004151	CNTT/20/4181	Đạt	
101	CNTT104	Mông Gia Tuyển	08/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG004152	CNTT/20/4182	Đạt	
102	CNTT105	Nông Đức Việt	22/02/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,5	DBG004153	CNTT/20/4183	Đạt	
103	CNTT106	Đoạn Huy Vũ	30/08/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	DBG004154	CNTT/20/4184	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách:

103

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 12 tháng 10 năm 2020

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang